TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2019
V/v ly hôn tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Dương;

2. Bà Trần Thị Kim Phượng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố C, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt

-Bị đơn: Ông Phạm Quang T, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố H, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Quang T kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân của bà và ông T hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sinh sống tại nhà mẹ ruột của bà tại khu phố C, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng bà sống hạnh phúc đến năm 2014, nhưng kể từ khi bà sinh con, ông T thường xuyên có những mối quan hệ với người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần tha thứ

nhưng ông T không thay đổi. Ông T có hứa với bà là chấm dứt mối quan hệ này nhưng sau đó bà phát hiện ông T vẫn còn qua lại với người phụ nữ này. Hiện nay bà không còn tình cảm và cũng không còn niềm tin với ông T nữa, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Quang T.

- Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/9/2014. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Phạm Quang T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Phạm Quang T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Quang T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị Thanh T về thời gian chung sống, kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng ông sống hạnh phúc, vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Ông thừa nhận là trước đây trong lúc yếu lòng ông có tình cảm với một người phụ nữ khác nhưng ông đã chia tay và hiện nay không còn mối quan hệ gì với người phụ nữ này. Ông không đồng ý ly hôn mong bà T cho ông một cơ hội để vợ chồng hàn gắn cùng lo cho con.

- Về con chung: Ông không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Bị đơn ông Phạm Quang T trình bày: Ông không đồng ý ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con thì ông không đồng ý, vì hiện nay tổng thu nhập của ông mỗi tháng 8.000.000 đồng, nguyên đơn đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu như sau:

+ Về tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phạm Quang T là mâu thuẫn đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu xin ly hôn với ông Phạm Quang T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp về ly hôn; bị đơn hiện cư trú tại Khu phố H, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28 và 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T thống nhất có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) M, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 05/9/2013, hôn nhân giữa bà T, ông T là tự nguyện. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông T được pháp luật công nhận là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông T thừa nhận có quan hệ với người phụ nữa khác, dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc và cũng tại Biên bản xác minh ngày 09/7/2019, tại Văn phòng Khu phố C, phường Chánh M, thành phố T xác định "bà T và ông T có xảy ra mâu thuẫn nhưng không yêu cầu khu phố giải quyết, khoảng 1 năm nay giữa hai người không còn sống chung, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có người phụ nữ khác"

Vì vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Cháu Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/9/2014, hiện con chung đang ở với bà T, bà T có nguyện vọng được nuôi con. Vì vậy, yêu cầu được nuôi con của bà T là có cơ sở để chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, nhận thấy, hiện tại ngoài khoản thu nhập này của ông T, thì bà T không chứng minh được ông T còn khoản thu nhập nào khác cho nên yêu cầu của bà T là không có cơ sở để xem xét. Với số tiền thu nhập 8.000.000đồng/tháng, ông T còn phải chi tiêu cho cuộc sống hàng ngày để đảm bảo sức khỏe tiếp tục lao động. Do đó, mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng là phù hợp với thu nhập của ông T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Phạm Quang T về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Phạm Quang T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/9/2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0033929 ngày 11/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Quang T phải nộp 300.000 đồng

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Văn Thị Ngọc Hương